

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế Quản lý giao dịch trái phiếu Chính phủ
tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc Hội thông qua ngày 29/06/2006;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01/07/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Quản lý giao dịch trái phiếu Chính phủ tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Chánh văn phòng Bộ, Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Bộ Tài chính, Giám đốc Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

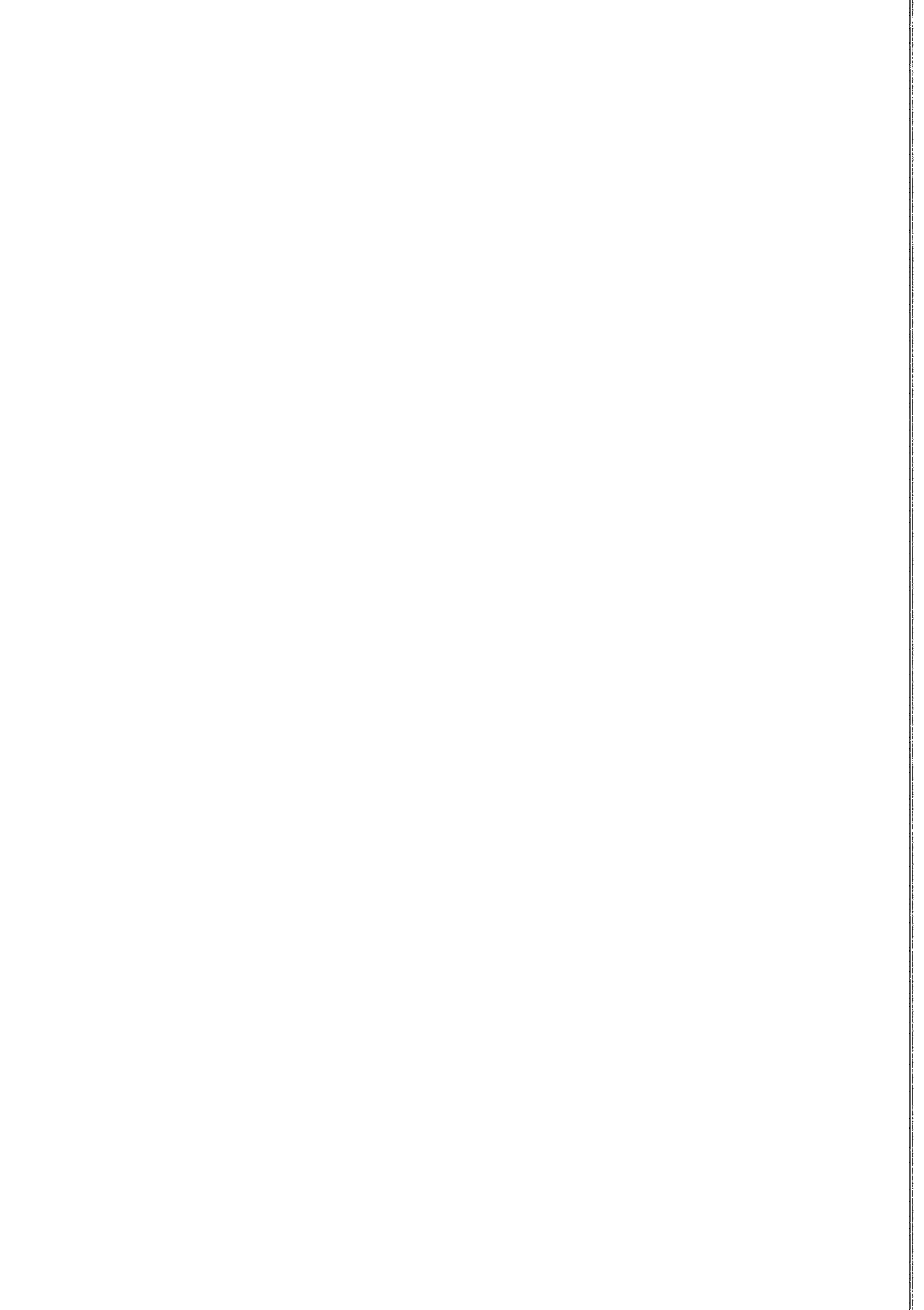
Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng TƯ và các ban của Đảng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ; cơ quan thuộc Chính phủ;
- Toà án Nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm soát Nhân dân tối cao;
- UBND, HĐND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Website Chính phủ;
- Công báo,
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính, Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, UBCKNN.

KT/BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Trần Xuân Hà



QUY CHẾ

**QUẢN LÝ GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ
TẠI TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 46/2008/QĐ-BTC ngày 01 tháng 7 năm 2008
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế này quy định về hoạt động đăng ký niêm yết, công bố thông tin, thành viên giao dịch trái phiếu Chính phủ (TPCP), giao dịch và quản lý giao dịch TPCP niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (TTGDCKHN).

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. **Thành viên giao dịch TPCP tại TTGDCKHN** (sau đây viết tắt là thành viên) là công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại được TTGDCKHN chấp thuận trở thành thành viên giao dịch TPCP.

2. **Hệ thống giao dịch TPCP** (sau đây viết tắt là hệ thống) là hệ thống cơ sở vật chất phục vụ hoạt động giao dịch TPCP tại TTGDCKHN. Hệ thống giao dịch TPCP cho phép nhận, chuyển, sửa, ghi nhận, theo dõi, kết xuất dữ liệu phục vụ việc thực hiện giao dịch TPCP trên hệ thống.

3. **Giá yết** là giá TPCP được các thành viên yết trên hệ thống. Giá yết được hiểu là giá không gộp lãi coupon (nếu có).

4. **Giá thực hiện** là giá dùng để xác định số tiền phải thanh toán trong các giao dịch TPCP.

5. **Thành viên thông thường** là các công ty chứng khoán được TTGDCKHN chấp thuận làm thành viên giao dịch TPCP. Thành viên thông thường được phép thực hiện nghiệp vụ môi giới và tự doanh TPCP trên hệ thống của TTGDCKHN.

6. **Thành viên đặc biệt** là các ngân hàng thương mại được TTGDCKHN chấp thuận làm thành viên giao dịch TPCP. Thành viên đặc biệt chỉ được phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh TPCP trên hệ thống của TTGDCKHN.

7. **Giao dịch thông thường** là giao dịch TPCP trong đó một bên bán và chuyển giao quyền sở hữu TPCP cho một bên khác và không kèm theo cam kết mua lại TPCP.

8. **Giao dịch mua bán lại** là giao dịch trong đó một bên bán và chuyển giao quyền sở hữu TPCP cho một bên khác, đồng thời cam kết sẽ mua lại và nhận lại quyền sở hữu TPCP đó sau một thời gian xác định với một mức giá xác định.

Giao dịch mua bán lại bao gồm Giao dịch bán (Giao dịch lần 1) và Giao dịch mua lại (Giao dịch lần 2). Trong giao dịch mua bán lại, bên Bán được hiểu là bên bán trong Giao dịch lần 1, bên Mua được hiểu là bên mua trong Giao dịch lần 1.

Chương II

THÀNH VIÊN GIAO DỊCH

Điều 3. Thành viên giao dịch

Hệ thống giao dịch TPCP của TTGDCKHN có 2 loại thành viên giao dịch là thành viên thông thường và thành viên đặc biệt.

Điều 4. Tiêu chuẩn làm thành viên giao dịch TPCP

1. Đối với thành viên thông thường:

a) Là công ty chứng khoán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) cấp Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán được phép thực hiện tất cả các nghiệp vụ kinh doanh bao gồm: môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán;

b) Là thành viên của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán;

c) Đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại chương VI của Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006 đối với việc thành lập và hoạt động của công ty chứng khoán;

d) Có đủ điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ hoạt động giao dịch TPCP tại TTGDCKHN;

đ) Đáp ứng các điều kiện khác do TTGDCKHN quy định.

2. Đối với thành viên đặc biệt:

a) Có giấy phép đăng ký kinh doanh hợp lệ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp;

b) Có số vốn điều lệ thực góp hoặc được cấp tối thiểu tương đương với mức vốn pháp định theo quy định hiện hành của Chính phủ về Ban hành danh mục mức vốn pháp định của các tổ chức tín dụng và các quy định hiện hành có liên quan;

c) Là thành viên của Trung tâm Lưu ký chứng khoán;

d) Có đủ điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ hoạt động giao dịch TPCP tại TTGDCKHN;

đ) Các điều kiện khác do TTGDCKHN quy định.

Điều 5. Đăng ký làm thành viên

TTGDCKHN quy định cụ thể về điều kiện, hồ sơ và thủ tục đăng ký làm thành viên giao dịch TPCP.

Điều 6. Chấm dứt tư cách thành viên

1. Thành viên giao dịch TPCP tự nguyện xin chấm dứt tư cách thành viên và được TTGDCKHN chấp thuận.

2. Chấm dứt tư cách thành viên giao dịch TPCP bắt buộc:

a) Không còn đáp ứng các điều kiện quy định về thành viên giao dịch TPCP của TTGDCKHN;

b) Vi phạm nghiêm trọng quy định về thành viên của TTGDCKHN;

c) Vi phạm các quy định về thành viên với lỗi không nghiêm trọng nhưng có hệ thống.

3. Trình tự thực hiện việc chấm dứt tư cách thành viên do TTGDCKHN quy định cụ thể trong các quy trình nghiệp vụ.

Điều 7. Giao dịch TPCP của thành viên

1. Tất cả các giao dịch TPCP niêm yết được thực hiện bởi thành viên thông qua hệ thống giao dịch TPCP của TTGDCKHN.

2. Tất cả các phiếu xác nhận kết quả giao dịch in từ hệ thống giao dịch được lưu trữ bởi thành viên làm căn cứ pháp lý phục vụ công tác báo cáo, kiểm tra, đối chiếu giao dịch khi phát sinh tranh chấp.

3. Đối với giao dịch môi giới:

a) Thành viên phải ký hợp đồng bằng văn bản khi mở tài khoản giao dịch TPCP cho khách hàng;

b) Thành viên phải thống nhất và công khai hình thức tiếp nhận, xử lý giao dịch TPCP của khách hàng tại trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch, đại lý nhận lệnh. Các chứng từ liên quan đến giao dịch phải được lưu trữ tại địa điểm tiếp nhận yêu cầu. Kết quả thực hiện giao dịch phải được thông báo cho khách hàng ngay trong ngày thực hiện giao dịch theo đúng hình thức đã thỏa thuận với khách hàng. Thành viên phải gửi sao kê tài khoản tiền và trái phiếu hàng tháng khi có yêu cầu từ khách hàng;

c) Thành viên phải ưu tiên thực hiện lệnh môi giới cho khách hàng trước lệnh tự doanh của thành viên với mức giá thực hiện tốt nhất có thể trên hệ thống giao dịch TPCP của TTGDCKHN. Mức giá thực hiện tốt nhất có thể là mức giá chỉ định hoặc tốt hơn mức giá chỉ định của khách hàng;

d) Thành viên phải lưu trữ, bảo mật tài khoản và hồ sơ giao dịch TPCP của khách hàng theo quy định của pháp luật;

đ) Thành viên có nghĩa vụ cung cấp những thông tin liên quan đến tài khoản của khách hàng nhằm mục đích quản lý, giám sát, thanh tra theo yêu cầu của TTGDCKHN, UBCKNN và cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam.

4. Đối với giao dịch tự doanh: Thành viên phải đảm bảo đủ tiền và trái phiếu để hoàn tất các nghĩa vụ của thành viên trong các giao dịch có liên quan trên hệ thống.

Điều 8. Chế độ báo cáo của thành viên

1. Thành viên phải định kỳ báo cáo TTGDCKHN về hoạt động kinh doanh, bao gồm:

a) Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh TPCP hàng tháng trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc tháng (*Theo mẫu tại Phụ lục số II/QCTP ban hành kèm theo Quy chế này*);

b) Báo cáo tổng hợp tình hình hoạt động kinh doanh TPCP năm trước ngày 31 tháng 3 hàng năm (*Theo mẫu tại Phụ lục số III/QCTP ban hành kèm theo Quy chế này*).

2. Hình thức nộp báo cáo: Thành viên nộp báo cáo cho TTGDCKHN bằng văn bản và bằng dữ liệu điện tử theo địa chỉ thư điện tử đã được đăng ký với TTGDCKHN.

Điều 9. Các hình thức kỷ luật thành viên

Thành viên nếu vi phạm các quy định trong hoạt động giao dịch TPCP tại TTGDCKHN sẽ phải chịu một hoặc một số các hình thức kỷ luật sau:

- a) Khiển trách;
- b) Cảnh cáo;
- c) Đình chỉ có thời hạn hoạt động giao dịch TPCP trên TTGDCKHN;
- d) Buộc chấm dứt tư cách thành viên.

Chương III

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ GIAO DỊCH

Điều 10. Quy định chung

1. TTGDCKHN tổ chức giao dịch cho các TPCP đã lưu ký tập trung và đã đăng ký niêm yết.

2. Giao dịch TPCP trên hệ thống được thực hiện thông qua thành viên.

3. Giao dịch mua lại TPCP của tổ chức phát hành theo điều khoản phát hành được TTGDCKHN quy định cho từng trường hợp.

Điều 11. Trái phiếu niêm yết trên TTGDCKHN

1. *TPCP niêm yết* trên TTGDCKHN là các loại có kỳ hạn danh nghĩa trên 1 năm (ngoại trừ trái phiếu ngoại tệ);
2. Các loại *trái phiếu niêm yết khác* gồm trái phiếu chính quyền địa phương và trái phiếu do Chính phủ bảo lãnh được xét niêm yết khi có yêu cầu.
3. Trái phiếu được niêm yết trên TTGDCKHN khi có đề nghị bằng văn bản của tổ chức phát hành (*Theo mẫu tại Phụ lục số I/QCTP ban hành kèm theo Quy chế này*).

Điều 12. Thời gian giao dịch

1. TTGDCKHN tổ chức giao dịch từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần, trừ các ngày nghỉ theo quy định trong Bộ luật Lao động.
2. Thời gian giao dịch cụ thể do Giám đốc TTGDCKHN quy định sau khi được UBCKNN chấp thuận.

Điều 13. Phương thức giao dịch

1. TTGDCKHN áp dụng phương thức giao dịch thỏa thuận đối với các giao dịch TPCP trên hệ thống.
2. Trong trường hợp cần thiết, TTGDCKHN quyết định thay đổi phương thức giao dịch sau khi được UBCKNN chấp thuận.

Điều 14. Loại hình giao dịch

TTGDCKHN tổ chức hai loại hình giao dịch TPCP là giao dịch thông thường và giao dịch mua bán lại.

Điều 15. Xác lập và huỷ bỏ giao dịch

1. Giao dịch được xác lập khi hệ thống thực hiện ghi nhận, ngoại trừ có quy định khác do UBCKNN quy định.
2. Thành viên có trách nhiệm đảm bảo khả năng thanh toán của khách hàng (đối với thành viên thông thường) và của thành viên khi tham gia giao dịch đúng thời hạn quy định.
3. Trong trường hợp giao dịch đã được xác lập ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của các nhà đầu tư hoặc toàn bộ giao dịch trên thị trường, TTGDCKHN có thể quyết định sửa hoặc huỷ bỏ giao dịch và báo cáo Chủ tịch UBCKNN về việc sửa hoặc huỷ bỏ giao dịch trên.

Điều 16. Xử lý vi phạm nghĩa vụ thanh toán giao dịch

TTGDCKHN quy định cụ thể việc xử lý vi phạm nghĩa vụ thanh toán giao dịch của các thành viên giao dịch.

Chương IV

GIAO DỊCH THÔNG THƯỜNG

Điều 17. Hình thức giao dịch

1. Giao dịch thông thường được thực hiện theo hai hình thức Thỏa thuận điện tử và Thỏa thuận thông thường.
2. TTGDCKHN quyết định thay đổi hoặc bổ sung hình thức giao dịch sau khi được UBCKNN chấp thuận.

Điều 18. Thỏa thuận điện tử

1. Thỏa thuận điện tử là hình thức giao dịch trong đó các lệnh giao dịch được chào với cam kết chắc chắn và thực hiện ngay khi có đối tác lựa chọn mà không cần có sự xác nhận lại.
2. Giao dịch theo hình thức thỏa thuận điện tử được thực hiện theo nguyên tắc đại diện giao dịch của thành viên nhập lệnh chào mua, chào bán với cam kết chắc chắn vào hệ thống và lựa chọn các lệnh đối ứng phù hợp để thực hiện giao dịch.
3. Lệnh chào mua, chào bán với cam kết chắc chắn được chào công khai trên hệ thống. Nội dung lệnh chào mua, chào bán với cam kết chắc chắn được quy định trong Quy trình Giao dịch trái phiếu Chính phủ tại TTGDCKHN do TTGDCKHN ban hành.

Điều 19. Thỏa thuận thông thường

1. Thỏa thuận thông thường là hình thức giao dịch trong đó các bên giao dịch chào quảng cáo và có thể thỏa thuận thêm về các điều kiện của giao dịch.
2. Sau khi đã thỏa thuận xong, giao dịch theo hình thức thỏa thuận thông thường được thực hiện theo nguyên tắc bên bán nhập lệnh giao dịch vào hệ thống và bên mua xác nhận lệnh giao dịch thoả thuận.
3. Lệnh chào quảng cáo được gửi đến cho một, một số đối tác hoặc toàn bộ thị trường. Nội dung lệnh quảng cáo được quy định trong Quy trình Giao dịch trái phiếu Chính phủ tại TTGDCKHN do TTGDCKHN ban hành.
4. Các giao dịch được thỏa thuận ngoài hệ thống cũng áp dụng hình thức giao dịch thoả thuận và báo cáo kết quả trên hệ thống để xác lập giao dịch. Nội dung báo cáo kết quả được quy định trong Quy trình Giao dịch trái phiếu Chính phủ tại TTGDCKHN do TTGDCKHN ban hành.

Chương V

GIAO DỊCH MUA BÁN LẠI

Điều 20. Hình thức giao dịch

1. Giao dịch mua bán lại được thực hiện theo hai hình thức Thỏa thuận điện tử và Thỏa thuận thông thường.

2. TTGDCKHN quyết định thay đổi hoặc bổ sung hình thức giao dịch sau khi được UBCKNN chấp thuận.

Điều 21. Thỏa thuận điện tử

1. Thỏa thuận điện tử là hình thức giao dịch trong đó xuất phát từ các yêu cầu chào giá trên hệ thống, các lệnh chào mua, chào bán với cam kết chắc chắn sẽ được chào tương ứng và được thực hiện ngay khi được lựa chọn mà không cần có sự xác nhận lại.

2. Giao dịch theo hình thức thỏa thuận điện tử được thực hiện theo nguyên tắc đại diện giao dịch của thành viên, dựa trên các yêu cầu chào giá trên hệ thống, gửi các lệnh chào mua, chào bán với cam kết chắc chắn đến đích danh đối tác gửi yêu cầu chào giá tương ứng và đối tác này sẽ lựa chọn lệnh chào phù hợp để thực hiện giao dịch.

3. Yêu cầu chào giá có thể được gửi đến cho một, một số đối tác hoặc toàn bộ thị trường theo yêu cầu của khách hàng. Trường hợp khách hàng không yêu cầu cụ thể thì yêu cầu chào giá được gửi cho toàn bộ thị trường. Nội dung của yêu cầu chào giá được quy định trong Quy trình Giao dịch trái phiếu Chính phủ tại TTGDCKHN.

4. Lệnh chào mua, chào bán với cam kết chắc chắn được gửi đích danh cho đối tác đưa ra yêu cầu chào giá. Nội dung lệnh chào với cam kết chắc chắn được quy định trong Quy trình Giao dịch trái phiếu Chính phủ tại TTGDCKHN.

Điều 22. Thỏa thuận thông thường

1. Thỏa thuận thông thường là hình thức giao dịch trong đó các bên tự thỏa thuận với nhau bằng công cụ gửi tin nhắn trên hệ thống hoặc bằng các phương tiện liên lạc ngoài hệ thống về các điều kiện giao dịch và báo cáo kết quả trên hệ thống để xác lập giao dịch.

2. Sau khi đã thỏa thuận xong, giao dịch theo hình thức thỏa thuận thông thường được thực hiện theo nguyên tắc bên bán nhập lệnh giao dịch vào hệ thống và bên mua xác nhận lệnh giao dịch thỏa thuận. Nội dung báo cáo giao dịch được quy định trong Quy trình Giao dịch trái phiếu Chính phủ tại TTGDCKHN do TTGDCKHN ban hành.

Điều 23. Thời hạn giao dịch mua bán lại

1. Thời hạn giao dịch mua bán lại được tính theo số ngày thực tế kể từ ngày thanh toán của giao dịch lần một đến ngày thanh toán của giao dịch lần hai.

2. Thời hạn giao dịch mua bán lại tối thiểu là hai (02) ngày và tối đa là một trăm tám mươi (180) ngày.

3. TTGDCKHN quyết định thay đổi thời hạn giao dịch mua bán lại khi cần thiết sau khi được UBCKNN chấp thuận.

Điều 24. Lãi suất giao dịch mua bán lại

Lãi suất giao dịch mua bán lại tính trên cơ sở ngày thực tế/ngày thực tế. Cách tính lãi suất và lãi mua bán lại được quy định trong quy trình nghiệp vụ của TTGDCKHN.

Điều 25. Giá thực hiện

1. Giá thực hiện trong giao dịch mua bán lại được tính dựa trên giá yết, lãi coupon tích gộp và tỷ lệ phòng vệ rủi ro (nếu có).

2. Công thức tính giá thực hiện được quy định trong quy trình nghiệp vụ của TTGDCKHN.

Điều 26. Tỷ lệ phòng vệ rủi ro

1. Tỷ lệ phòng vệ rủi ro là tỷ lệ phần trăm được chiết giảm hoặc bổ sung trên giá thực hiện tại thời điểm bắt đầu giao dịch mua bán lại.

2. Tỷ lệ phòng vệ rủi ro áp dụng đối với từng giao dịch mua bán lại do hai bên đối tác tự thỏa thuận. Trong trường hợp cần thiết, TTGDCKHN có thể quy định cụ thể về mức trần tỷ lệ phòng vệ rủi ro.

3. Tỷ lệ phòng vệ rủi ro cố định trong suốt thời hạn giao dịch mua bán lại.

Điều 27. Thu nhập từ TPCP trong giao dịch mua bán lại

1. Quyền hưởng lãi coupon và các thu nhập liên quan (nếu có) từ TPCP trong giao dịch mua bán lại thuộc về bên Bán.

2. Trong trường hợp bên Mua nhận được lãi coupon tại (các) thời điểm nằm trong thời hạn của giao dịch mua bán lại, bên Mua có trách nhiệm trả lại bên Bán số lãi coupon đã nhận được đó khi kết thúc giao dịch mua bán lại. Tại thời điểm bắt đầu thực hiện giao dịch mua bán lại, hai bên tự thỏa thuận với nhau về lãi suất (nếu có) tính trên phần lãi coupon phát sinh.

Điều 28. Thông tin về đối tác trong giao dịch mua bán lại

1. Thành viên tham gia giao dịch mua bán lại với tư cách tự doanh hay môi giới phải bảo đảm thông tin của đối tác liên quan trong giao dịch được giữ bí mật. Việc công bố thông tin chỉ thực hiện khi:

- a) Các bên có liên quan đồng ý bằng văn bản;
- b) Theo yêu cầu của các cơ quan chức năng;
- c) Khi giao dịch chính thức bị xem là không thể tiếp tục do các bên tham gia từ chối hoặc mất khả năng thực hiện các nghĩa vụ trong giao dịch.

2. Các thành viên khi thực hiện giao dịch mua bán lại phải thông báo với đối tác tư cách của mình trong giao dịch là tự doanh hay môi giới.

Chương VI CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 29. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Thông tin công bố phải đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định của pháp luật;

2. Thông tin công bố phải do Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc hoặc người được Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc uỷ quyền công bố thông tin thực hiện;

3. Thông tin công bố phải được thực hiện đồng thời trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 30. Loại thông tin công bố

Thông tin công bố bao gồm các loại thông tin sau:

1. Thông tin định kỳ;
2. Thông tin bất thường;
3. Thông tin theo yêu cầu.

Điều 31. Phương tiện và hình thức công bố thông tin

1. Phương tiện: Việc công bố thông tin được thực hiện qua các phương tiện công bố thông tin sau:

a) Báo cáo thường niên, trang thông tin điện tử và các ấn phẩm khác của tổ chức thuộc đối tượng công bố thông tin;

b) Các phương tiện công bố thông tin của UBCKNN bao gồm: báo cáo thường niên, trang thông tin điện tử và các ấn phẩm khác của UBCKNN;

c) Các phương tiện công bố thông tin của TTGDCKHN bao gồm: bản tin thị trường chứng khoán, trang thông tin điện tử của TTGDCKHN, các trạm đầu cuối tại SGDCK, TTGDCK;

d) Phương tiện thông tin đại chúng.

2. Hình thức: Thông tin được công bố dưới hình thức văn bản và dữ liệu điện tử.

Điều 32. Đối tượng thực hiện công bố thông tin

Đối tượng công bố thông tin gồm các thành viên giao dịch TPCP và TTGDCKHN.

Điều 33. Công bố thông tin của thành viên thông thường

Thành viên thông thường thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo hướng dẫn công bố thông tin dành cho công ty chứng khoán quy định tại Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/04/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 34. Công bố thông tin của thành viên đặc biệt

1. Công bố thông tin định kỳ:

a) Thông tin công bố: Báo cáo tài chính năm tóm tắt (theo mẫu tại Phụ lục IV/QCTP ban hành kèm theo Quy chế này);

b) Địa điểm công bố: Thông tin định kỳ được công bố trên 03 số báo liên tiếp của một tờ báo Trung ương và một tờ báo địa phương nơi thành viên đặc biệt có trụ sở chính hoặc qua phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, TTGDCKHN và trên báo cáo thường niên, trang thông tin điện tử và các ấn phẩm khác của thành viên;

c) Thời gian công bố: Trong thời hạn một trăm (100) ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Công bố thông tin bất thường:

a) Thông tin công bố:

- Có quyết định khởi tố đối với thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên, Chủ tịch, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;

- Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ sở hữu công ty thông qua hợp đồng sáp nhập với một công ty khác;

- Các thay đổi về thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên, Chủ tịch, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc;

- Thành viên có những thay đổi quan trọng trong hoạt động kinh doanh, bao gồm: thành viên bị tổn thất từ mười phần trăm (10%) giá trị tài sản trở lên; thành viên tạm ngừng kinh doanh tự nguyện hoặc bị phong tỏa hoạt động giao dịch; thành viên bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động; quyết định sửa đổi, bổ sung điều lệ ngân hàng; thay đổi tên ngân hàng; quyết định tăng hoặc giảm vốn điều lệ.

b) Địa điểm công bố: Thông tin bất thường phải công bố trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của thành viên đặc biệt và trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN và TTGDCKHN;

c) Thời gian công bố: Trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện nêu trên, thành viên đặc biệt phải thực hiện việc công bố thông tin.

3. Công bố thông tin theo yêu cầu:

a) Thông tin công bố:

- Thông tin liên quan đến thành viên và ảnh hưởng đến lợi ích của các chủ thể đầu tư và kinh doanh khác trên thị trường;

- Thông tin liên quan đến hoạt động bất thường của thành viên và cần phải xác nhận lại thông tin này.

Nội dung công bố thông tin phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN và TTGDCKHN yêu cầu công bố; nguyên nhân; mức độ xác thực của sự kiện đó.

b) Địa điểm công bố: Trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của thành viên; trên các phương tiện công bố thông tin đại chúng hoặc phương tiện công bố thông tin của UBCKNN và TTGDCKHN.

c) Thời gian công bố: Trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, TTGDCKHN, thành viên đặc biệt phải thực hiện công bố thông tin.

Điều 35. Công bố thông tin của TTGDCKHN

TTGDCKHN có nghĩa vụ công bố các thông tin sau đây:

1. Thông tin về giao dịch trái phiếu trên hệ thống giao dịch của TTGDCKHN:

- a) Thông tin về loại trái phiếu được phép giao dịch;
- b) Tổng số loại trái phiếu được phép giao dịch trong ngày;
- c) Thông tin về trái phiếu giao dịch gồm kỳ hạn, lãi suất coupon, ngày đáo hạn;
- d) Thông tin về mức giá, khối lượng thực hiện gần nhất của mỗi loại trái phiếu;
- đ) Thông tin về hai (02) mức giá chào mua, chào bán tốt nhất với các khối lượng chào tương ứng với mức giá đó;
- e) Thông tin về khối lượng đặt mua/đặt bán và giá trị tương ứng cho từng loại trái phiếu;
- g) Tổng khối lượng giao dịch toàn thị trường của từng loại hình giao dịch: Giao dịch thông thường và Giao dịch mua bán lại;
- h) Thông tin về đường cong lợi suất chuẩn (nếu có);
- i) Các thông tin khác theo yêu cầu của UBCKNN.

2. Thông tin về thành viên giao dịch:

- a) Danh sách và hồ sơ thành viên;
- b) Thông tin về kết nạp thành viên;
- c) Thông tin về xử phạt thành viên;
- d) Thông tin về chấm dứt tư cách thành viên;
- đ) Thông tin do thành viên công bố;
- e) Các thông tin khác.

3. Thông tin về hoạt động niêm yết:

- a) Tên trái phiếu, số lượng, mệnh giá;
- b) Thông tin về niêm yết lần đầu;
- c) Thông tin về niêm yết bổ sung;
- d) Thông tin về huỷ niêm yết;
- đ) Thông tin về thay đổi niêm yết;
- e) Các thông tin khác.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 36. Điều khoản thi hành

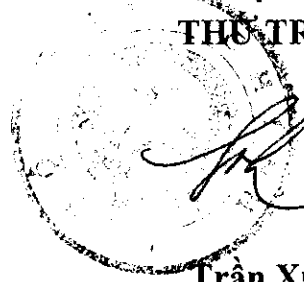
1. Các đối tượng tham gia giao dịch TPCP tại TTGDCKHN có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

2. TTGDCKHN thực hiện giám sát việc tuân thủ Quy chế này của các thành viên.

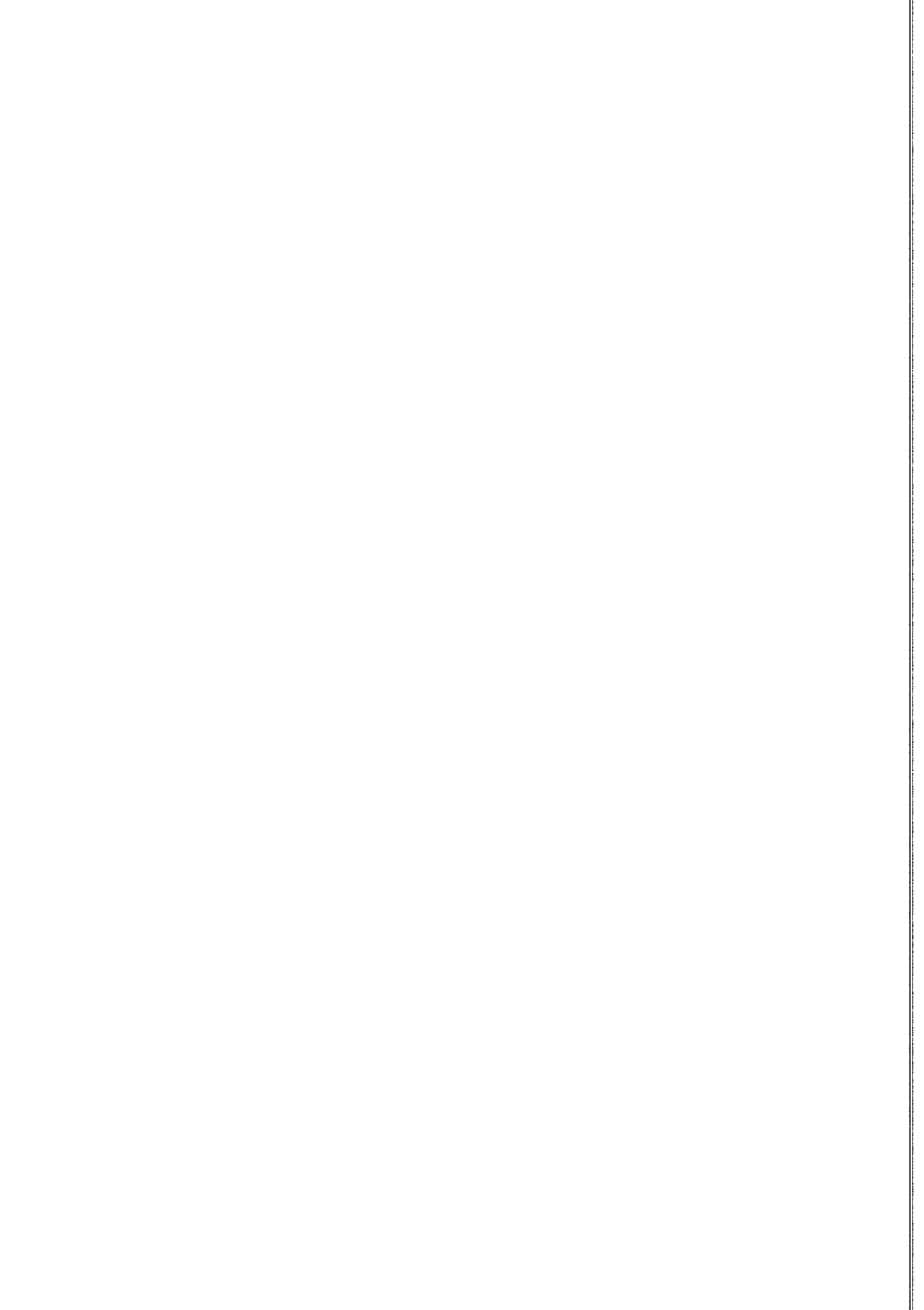
3. TTGDCKHN chịu trách nhiệm ban hành các quy chế và quy trình nghiệp vụ phù hợp với Quy chế này.

4. Việc sửa đổi bổ sung Quy chế này do Bộ Trưởng Bộ Tài chính quyết định./.

**KT/BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Trần Xuân Hà



Phụ lục I/QCTP

ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT - LƯU KÝ

(Ban hành kèm theo Quy chế Quản lý giao dịch Trái phiếu Chính phủ tại TTGDCKHN)

BỘ TÀI CHÍNH

(Tên tổ chức)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....

V/v: Đăng ký lưu ký, niêm yết trái phiếu....

..., ngày ... tháng ... năm 200...

Kính gửi:

- Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- Trung tâm Lưu ký Chứng khoán

Căn cứ qui định của Bộ Tài chính về đăng ký niêm yết, đăng ký lưu ký chứng khoán, *(Tên tổ chức)* đề nghị Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán làm thủ tục đăng ký niêm yết, đăng ký lưu ký trái phiếu ... do *(Tên tổ chức)* đại diện phát hành theo phương thức đấu thầu và bảo lãnh năm ... đợt ... với nội dung như sau:

- Tên tổ chức phát hành :
- Địa chỉ :
- Số tài khoản
 - Trái phiếu đấu thầu :
 - Trái phiếu bảo lãnh :
- Tên trái phiếu đăng ký niêm yết, lưu ký:
- Loại trái phiếu :
- Hình thức phát hành : *(Ghi sổ/Chứng chỉ vật chất)*
- Tổng giá trị TP phát hành :

Trong đó

- Trái phiếu đấu thầu :
- Trái phiếu bảo lãnh :

- Tổng giá trị trái phiếu đăng ký niêm yết, đăng ký lưu ký:
- Kỳ hạn :
- Lãi suất trái phiếu :
- Ngày phát hành trái phiếu
- Ngày đến hạn thanh toán
- Phương thức thanh toán gốc, lãi: Tiền gốc trái phiếu được thanh toán một lần khi đến hạn. Tiền lãi trái phiếu được thanh toán định kỳ hàng năm/ sáu tháng/ quý, cụ thể:

Trường hợp đến hạn trả gốc, lãi, nếu chủ sở hữu chưa đến thanh toán, số tiền gốc, lãi sẽ được bảo lưu, không tính lãi trong thời gian quá hạn thanh toán.

- Danh sách chủ sở hữu trái phiếu: (Đính kèm file)

Đề nghị Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán làm thủ tục niêm yết, lưu ký trái phiếu nói trên theo đúng qui định hiện hành.

(TỔNG) GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

PHỤ LỤC II/QCTP

BÁO CÁO THÁNG TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRÁI PHIẾU

(Ban hành kèm theo Quy chế Quản lý giao dịch Trái phiếu Chính phủ tại TTGDCKHN)

A. ĐỐI VỚI CTCK

(Tên CTCK)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Số:.....(số công văn)

V/v báo cáo hoạt động kinh doanh trái
phiếu tháng.... năm....

....., ngày.....tháng.....năm

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

I. Giao dịch thông thường

1. Hoạt động môi giới

1.1. Môi giới

| Trái phiếu | Mua trong tháng | | Bán trong tháng | |
|------------------|-----------------|-----|-----------------|-----|
| | KL | GT | KL | GT |
| TPCP niêm yết | ... | ... | ... | ... |
| <i>Trong đó:</i> | | | | |
| - CP | ... | ... | ... | ... |
| - CQ | ... | ... | ... | ... |
| - BL | ... | ... | ... | ... |
| TP niêm yết khác | ... | ... | ... | ... |
| TP chưa niêm yết | ... | ... | ... | ... |
| Tổng | ... | ... | ... | ... |

Ghi chú:

CP: Trái phiếu Chính phủ

CQ: Trái phiếu chính quyền địa phương

BL: Trái phiếu Chính phủ bảo lãnh

GT: Giá trị trái phiếu tính theo giá trị giao dịch

1.2. Tình hình nắm giữ trái phiếu tại thời điểm báo cáo

1.2.1. Tình hình nắm giữ trái phiếu

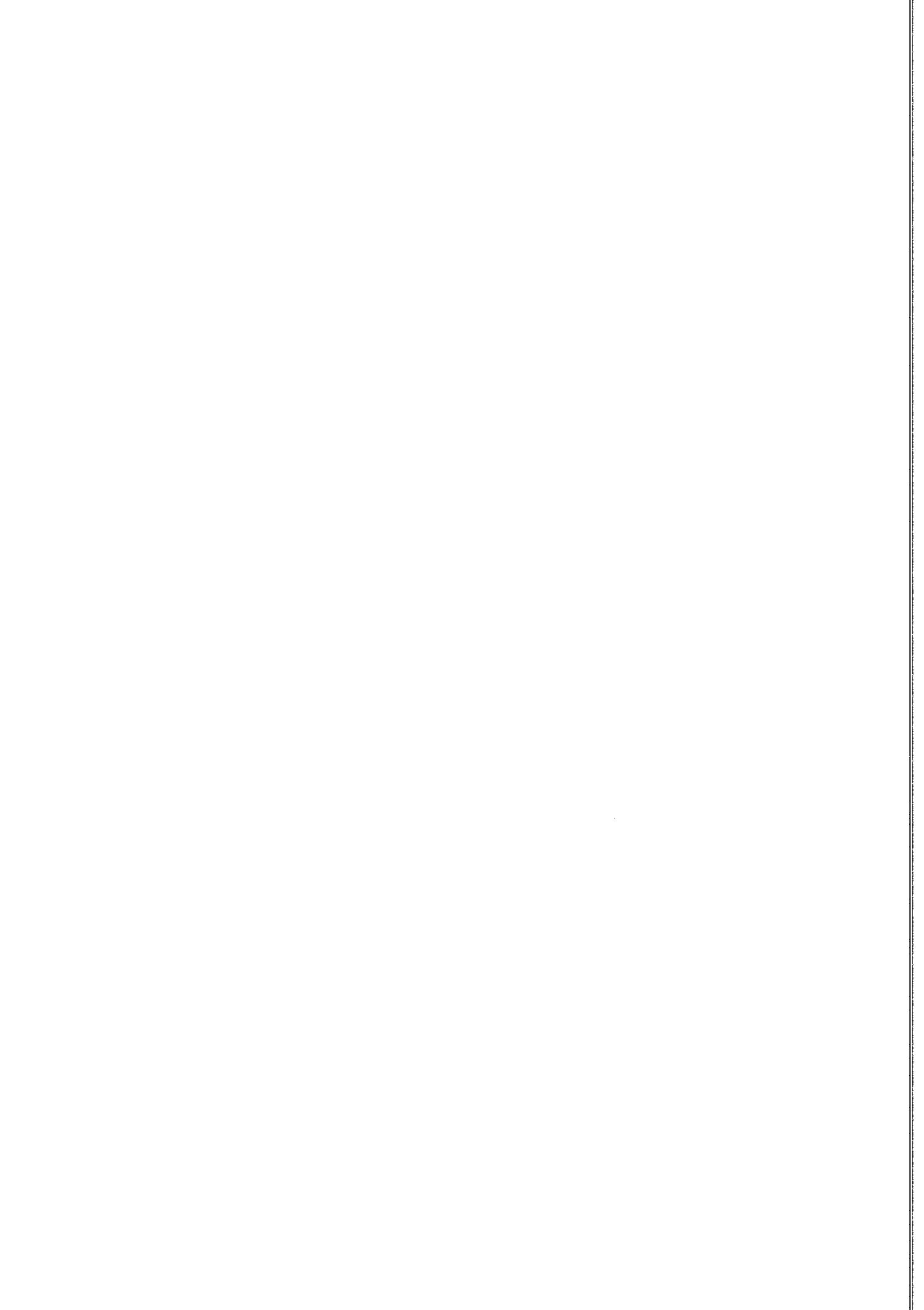
| Trái phiếu | Cá nhân | | Tổ chức | |
|------------------|---------|-----|---------|-----|
| | KL | GT | KL | GT |
| TPCP niêm yết | ... | ... | ... | ... |
| Trong đó: | | | | |
| - CP | ... | ... | ... | ... |
| - CQ | ... | ... | ... | ... |
| - BL | ... | ... | ... | ... |
| TP niêm yết khác | ... | ... | ... | ... |
| TP chưa niêm yết | ... | ... | ... | ... |
| Tổng | ... | ... | ... | ... |

1.2.2. Tình hình nắm giữ TPCP niêm yết trên TTGDCKHN

| Thành phần nhà đầu tư | NHTM | | Quý đầu tư | | Định chế tài chính khác | | Các tổ chức khác | Cá nhân | | Tổng |
|--|-----------------------------|------------|------------|------------|-------------------------|------------|------------------|------------|------------|------|
| | Trong nước | Ngoài nước | Trong nước | Ngoài nước | Trong nước | Ngoài nước | | Trong nước | Ngoài nước | |
| Khối lượng | TPCP niêm yết (Theo kỳ hạn) | 2 năm | | | | | | | | |
| | | 3 năm | | | | | | | | |
| | | 5 năm | | | | | | | | |
| | | 7 năm | | | | | | | | |
| | | 10 năm | | | | | | | | |
| | | 15 năm | | | | | | | | |
| | TPNY khác | | | | | | | | | |
| Tỷ lệ năm giữ (KL năm giữ/ Tổng KL niêm yết) | TPCP niêm yết (Theo kỳ hạn) | 2 năm | | | | | | | | |
| | | 3 năm | | | | | | | | |
| | | 5 năm | | | | | | | | |
| | | 7 năm | | | | | | | | |
| | | 10 năm | | | | | | | | |
| | TPNY khác | | | | | | | | | |

Ghi chú: Thành phần nhà đầu tư gồm:

- Khối ngân hàng thương mại
- Khối quỹ đầu tư
- Khối các định chế tài chính khác (công ty bảo hiểm, công ty tài chính)
- Các tổ chức khác
- Các cá nhân



1.3. Phí môi giới

Tổng phí môi giới thu được từ hoạt động môi giới trái phiếu niêm yết tại TTGDCKHN:

2. Hoạt động tự doanh

2.1. Tình hình giao dịch trái phiếu tự doanh

| Trái phiếu | Mua trong tháng | | Bán trong tháng | |
|------------------|-----------------|-----|-----------------|-----|
| | KL | GT | KL | GT |
| TPCP niêm yết | ... | ... | ... | ... |
| <i>Trong đó:</i> | | | | |
| - CP | ... | ... | ... | ... |
| - CQ | ... | ... | ... | ... |
| - BL | ... | ... | ... | ... |
| TP niêm yết khác | ... | ... | ... | ... |
| TP chưa niêm yết | ... | ... | ... | ... |
| Tổng | ... | ... | ... | ... |

2.2. Tình hình nắm giữ trái phiếu tại thời điểm báo cáo

| Trái phiếu | KL | GT |
|------------------|-----|-----|
| TPCP niêm yết | ... | ... |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| - CP | ... | ... |
| - CQ | ... | ... |
| - BL | ... | ... |
| TP niêm yết khác | ... | ... |
| TP chưa niêm yết | ... | ... |
| Tổng | ... | ... |

II. Giao dịch mua bán lại TPCP niêm yết trên TTGDCKHN

1. Hoạt động môi giới

| Thời hạn giao dịch | Mua trong tháng | | Bán trong tháng | |
|-----------------------------------|-----------------|------------|-----------------|------------|
| | KL | GTGD lần 1 | KL | GTGD lần 1 |
| Trái phiếu Chính phủ | | | | |
| | ... | ... | ... | ... |
| Trái phiếu chính quyền địa phương | | | | |
| | ... | ... | ... | ... |

| | | | | |
|-------------------------------|-----|-----|-----|-----|
| Trái phiếu Chính phủ bảo lãnh | | | | |
| | ... | ... | ... | ... |
| Tổng | ... | ... | ... | ... |

Ghi chú:

Thời hạn giao dịch: Liệt kê theo các thời hạn giao dịch đã thực hiện

2. Hoạt động tự doanh

| Thời hạn giao dịch | Mua trong tháng | | Bán trong tháng | |
|-----------------------------------|-----------------|------------|-----------------|------------|
| | KL | GTGD lần 1 | KL | GTGD lần 1 |
| Trái phiếu Chính phủ | | | | |
| | ... | ... | ... | ... |
| | ... | ... | ... | ... |
| Trái phiếu chính quyền địa phương | | | | |
| | ... | ... | ... | ... |
| Trái phiếu Chính phủ bảo lãnh | | | | |
| | ... | ... | ... | ... |
| | ... | ... | ... | ... |

III. Tổng hợp giao dịch TPCP niêm yết tại TTGDCKHN trong tháng

| STT | | Giao dịch thông thường | Giao dịch mua bán lại | Ghi chú |
|-----|-------------|------------------------|-----------------------|---------|
| 1 | Giá trị GD: | | | |
| | + Môi giới | | | |
| | + Tự doanh | | | |
| | Tổng | | | |
| 2 | Tỷ lệ %: | | | |
| | + Môi giới | | | |
| | + Tự doanh | | | |
| | Tổng | 100% | 100% | |

Ghi chú:

Giá trị GD: Đối với giao dịch mua bán lại, sử dụng giá trị giao dịch lần 1.

IV. Các vướng mắc phát sinh và kiến nghị:

Người lập báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kiểm soát
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Tổng) Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

B. ĐỐI VỚI NHTM

(Tên NHTM/Chi nhánh NHTM)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Số:.....(số công văn)

V/v báo cáo HĐKD TP tháng.... năm.....

....., ngày.....tháng.....năm

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội

I. Giao dịch thông thường

1. Tình hình giao dịch tự doanh

| Trái phiếu | Mua trong tháng | | Bán trong tháng | |
|------------------|-----------------|-----|-----------------|-----|
| | KL | GT | KL | GT |
| TPCP niêm yết | ... | ... | ... | ... |
| <i>Trong đó:</i> | | | | |
| - CP | ... | ... | ... | ... |
| - CQ | ... | ... | ... | ... |
| - BL | ... | ... | ... | ... |
| TP niêm yết khác | ... | ... | ... | ... |
| TP chưa niêm yết | ... | ... | ... | ... |
| Tổng | ... | ... | ... | ... |

Ghi chú:

CP: Trái phiếu Chính phủ

CQ: Trái phiếu chính quyền địa phương

BL: Trái phiếu Chính phủ bảo lãnh

GT: Giá trị trái phiếu tính theo giá trị giao dịch

2. Tình hình nắm giữ trái phiếu tại thời điểm báo cáo

| Trái phiếu | KL | GT |
|------------------|-----|-----|
| TPCP niêm yết | ... | ... |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| - CP | ... | ... |
| - CQ | ... | ... |
| - BL | ... | ... |
| TP niêm yết khác | ... | ... |

| | | |
|------------------|-----|-----|
| TP chưa niêm yết | ... | ... |
| Tổng | ... | ... |

II. Giao dịch mua bán lại TPCP niêm yết trên TTGDCKHN

| Thời hạn giao dịch | Mua trong tháng | | Bán trong tháng | |
|------------------------------------|-----------------|------------|-----------------|------------|
| | KL | GTGD lần 1 | KL | GTGD lần 1 |
| Trái phiếu Chính phủ | | | | |
| | ... | ... | ... | ... |
| Trái phiếu chính quyền địa phương. | | | | |
| | ... | ... | ... | ... |
| Trái phiếu Chính phủ bảo lãnh | | | | |
| | ... | ... | ... | ... |
| Tổng | ... | ... | ... | ... |

Ghi chú:

Thời hạn giao dịch: Liệt kê theo các thời hạn đã thực hiện

III. Các vướng mắc phát sinh và kiến nghị:

Người lập báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kiểm soát
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Tổng) Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục III/QCTP

BÁO CÁO NĂM TỔNG HỢP TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TP
(Ban hành kèm theo Quy chế Quản lý giao dịch Trái phiếu Chính phủ tại TTGDCKHN)

A. ĐỐI VỚI CTCK

(Tên CTCK)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Số:.....(số công văn)

V/v Báo cáo tình hình HĐKD TP năm.....

....., ngày.....tháng.....năm

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội

I. Giao dịch thông thường

1. Hoạt động môi giới

1.1. Môi giới

| Quý | | TPCP niêm yết | | | | | | TP niêm | | TP chưa | |
|---------|-----|---------------|----|----|----|----|----|----------|----|----------|----|
| | | CP | | CQ | | BL | | yết khác | | niêm yết | |
| | | KL | GT | KL | GT | KL | GT | KL | GT | KL | GT |
| Quý I | Mua | | | | | | | | | | |
| | Bán | | | | | | | | | | |
| Quý II | Mua | | | | | | | | | | |
| | Bán | | | | | | | | | | |
| Quý III | Mua | | | | | | | | | | |
| | Bán | | | | | | | | | | |
| Quý IV | Mua | | | | | | | | | | |
| | Bán | | | | | | | | | | |
| Cả năm | Mua | | | | | | | | | | |
| | Bán | | | | | | | | | | |

Ghi chú:

CP: Trái phiếu Chính phủ

CQ: Trái phiếu chính quyền địa phương

BL: Trái phiếu Chính phủ bảo lãnh

GT: Giá trị trái phiếu tính theo giá trị giao dịch (Tỷ đồng).

1.2. Tình hình nắm giữ trái phiếu tại thời điểm 31/12

1.2.1 Tình hình nắm giữ trái phiếu

| Trái phiếu | Cá nhân | | Tổ chức | |
|------------|---------|----|---------|----|
| | KL | GT | KL | GT |

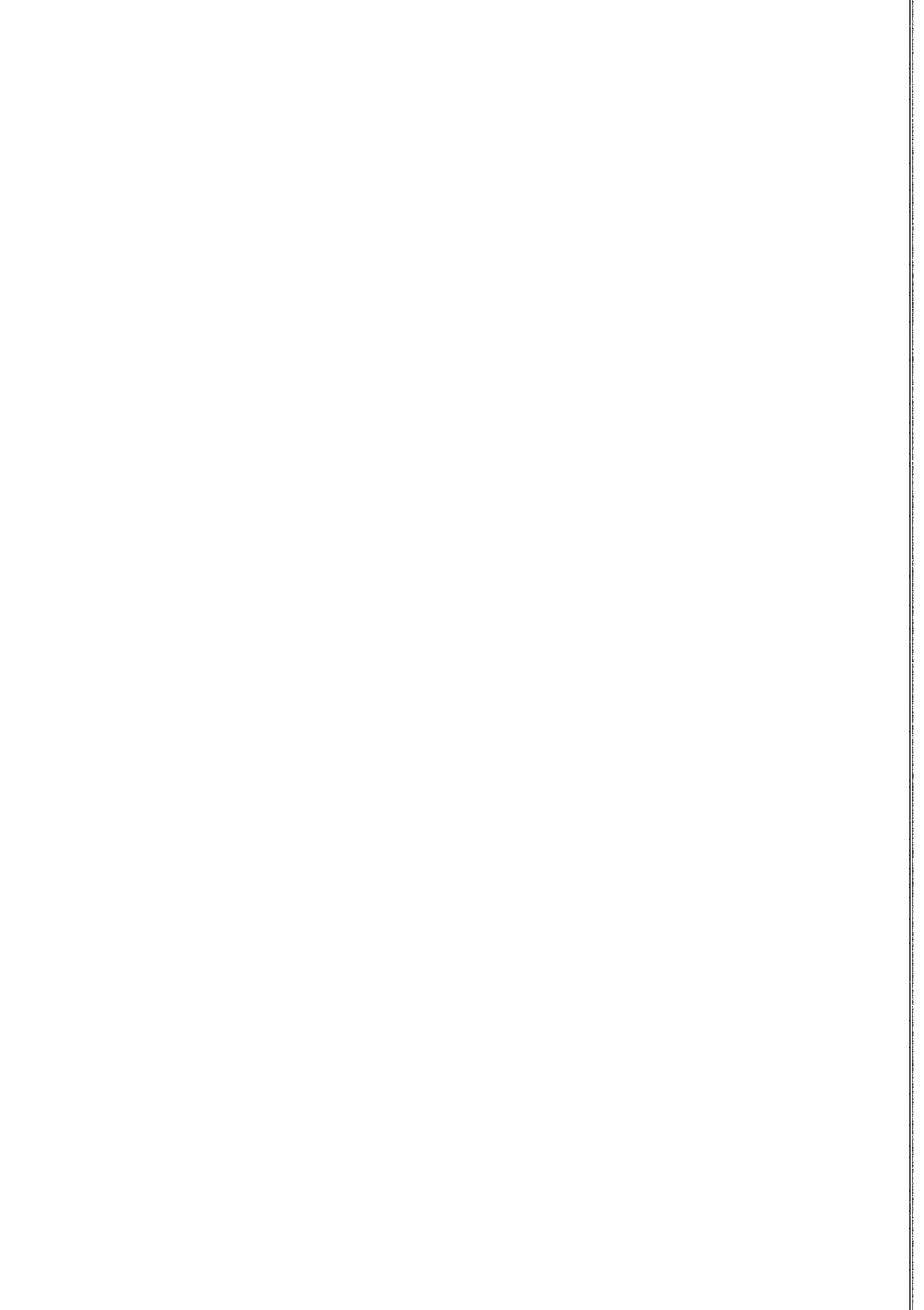
| | | | | |
|------------------|-----|-----|-----|-----|
| TPCP niêm yết | ... | ... | ... | ... |
| <i>Trong đó:</i> | | | | |
| - CP | ... | ... | ... | ... |
| - CQ | ... | ... | ... | ... |
| - BL | ... | ... | ... | ... |
| TP niêm yết khác | ... | ... | ... | ... |
| TP chưa niêm yết | ... | ... | ... | ... |
| Tổng | ... | ... | ... | ... |

1.2.2 Tình hình nắm giữ TPCP niêm yết trên TTGDCKHN

| Thành phần nhà đầu tư | NHTM | | Quỹ đầu tư | | Định chế tài chính khác | | Các tổ chức khác | Cá nhân | | Tổng |
|--|-----------------------------|------------|------------|------------|-------------------------|------------|------------------|------------|------------|------|
| | Trong nước | Ngoài nước | Trong nước | Ngoài nước | Trong nước | Ngoài nước | | Trong nước | Ngoài nước | |
| Khối lượng | TPCP niêm yết (Theo kỳ hạn) | 2 năm | | | | | | | | |
| | | 3 năm | | | | | | | | |
| | | 5 năm | | | | | | | | |
| | | 7 năm | | | | | | | | |
| | | 10 năm | | | | | | | | |
| | | 15 năm | | | | | | | | |
| | TPNY khác | | | | | | | | | |
| Tỷ lệ nắm giữ (KL năm giữ/ Tổng KL niêm yết) | TPCP niêm yết (Theo kỳ hạn) | 2 năm | | | | | | | | |
| | | 3 năm | | | | | | | | |
| | | 5 năm | | | | | | | | |
| | | 7 năm | | | | | | | | |
| | | 10 năm | | | | | | | | |
| | | 15 năm | | | | | | | | |
| | TPNY khác | | | | | | | | | |

Ghi chú: Thành phần nhà đầu tư gồm:

- *Khối ngân hàng thương mại: gồm NHTM trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập tại Việt Nam*
- *Khối quỹ đầu tư*
- *Khối các định chế tài chính khác (công ty bảo hiểm, công ty tài chính)*
- *Các tổ chức khác*
- *Các cá nhân*



1.3. Phí môi giới

Tổng phí môi giới thu được từ hoạt động môi giới trái phiếu niêm yết tại TTGDCKHN:

2. Hoạt động tự doanh

2.1. Tình hình giao dịch trái phiếu tự doanh

| Quý | | TPCP niêm yết | | | | | | TP niêm yết khác | | TP chưa niêm yết | |
|---------|-----|---------------|----|----|----|----|----|------------------|----|------------------|----|
| | | CP | | CQ | | BL | | KL | GT | KL | GT |
| | | KL | GT | KL | GT | KL | GT | | | | |
| Quý I | Mua | | | | | | | | | | |
| | Bán | | | | | | | | | | |
| Quý II | Mua | | | | | | | | | | |
| | Bán | | | | | | | | | | |
| Quý III | Mua | | | | | | | | | | |
| | Bán | | | | | | | | | | |
| Quý IV | Mua | | | | | | | | | | |
| | Bán | | | | | | | | | | |
| Cả năm | Mua | | | | | | | | | | |
| | Bán | | | | | | | | | | |

2.2. Tình hình nắm giữ trái phiếu tại thời điểm 31/12

| Trái phiếu | KL | GT |
|------------------|-----|-----|
| TPCP niêm yết | ... | ... |
| Trong đó: | | |
| - CP | ... | ... |
| - CQ | ... | ... |
| - BL | ... | ... |
| TP niêm yết khác | ... | ... |
| TP chưa niêm yết | ... | ... |
| Tổng | ... | ... |

II. Giao dịch mua bán lại TPCP niêm yết trên TTGDCKHN tính tới thời điểm 31/12

| Thời hạn giao dịch | Tổng giá trị MG | | Tổng giá trị TD | | Ghi chú |
|-----------------------------------|-----------------|-----|-----------------|-----|---------|
| | Mua | Bán | Mua | Bán | |
| Trái phiếu Chính phủ | | | | | |
| | | | | | |
| Trái phiếu chính quyền địa phương | | | | | |
| | | | | | |
| Trái phiếu Chính phủ bảo lãnh | | | | | |

| | | | | | |
|------------------|--|--|--|--|--|
| | | | | | |
| | | | | | |
| Tổng cộng | | | | | |

Ghi chú:

Tổng giá trị: Tính theo giá trị giao dịch lần 1 (Tỷ đồng).

Thời hạn giao dịch: Liệt kê theo các thời hạn đã thực hiện.

III. Tổng hợp chung về các giao dịch trái phiếu Chính phủ tại TTGDCKHN của thành viên trong năm

| STT | | Giao dịch thông thường | Giao dịch mua bán lại | Ghi chú |
|-----|-------------|------------------------|-----------------------|---------|
| 1 | Giá trị GD: | | | |
| | + Môi giới | | | |
| | + Tự doanh | | | |
| | Tổng | | | |
| 2 | Tỷ lệ %: | | | |
| | + Môi giới | | | |
| | + Tự doanh | | | |
| | Tổng | 100% | 100% | |

Ghi chú:

Giá trị GD: Đối với giao dịch mua bán lại, sử dụng giá trị giao dịch lần 1 (Tỷ đồng).

IV. Các vướng mắc phát sinh và kiến nghị:

Người lập báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kiểm soát
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Tổng) Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

B. ĐỐI VỚI NHTM

(Tên NHTM)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Số:.....(số công văn)

V/v Báo cáo tình hình HĐKD TP năm.....

....., ngày.....tháng.....năm

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội**

I. Giao dịch thông thường

1. Tình hình giao dịch trái phiếu tự doanh

| Quý | | TPCP niêm yết | | | | | | TP niêm | | TP chưa | |
|---------|-----|---------------|----|----|----|----|----|----------|----|----------|----|
| | | CP | | CQ | | BL | | yết khác | | niêm yết | |
| | | KL | GT | KL | GT | KL | GT | KL | GT | KL | GT |
| Quý I | Mua | | | | | | | | | | |
| | Bán | | | | | | | | | | |
| Quý II | Mua | | | | | | | | | | |
| | Bán | | | | | | | | | | |
| Quý III | Mua | | | | | | | | | | |
| | Bán | | | | | | | | | | |
| Quý IV | Mua | | | | | | | | | | |
| | Bán | | | | | | | | | | |
| Cả năm | Mua | | | | | | | | | | |
| | Bán | | | | | | | | | | |

Ghi chú:

CP: Trái phiếu Chính phủ

CQ: Trái phiếu chính quyền địa phương

BL: Trái phiếu Chính phủ bảo lãnh

GT: Giá trị trái phiếu tính theo giá trị giao dịch (Tỷ đồng)

2. Tổng hợp tình hình nắm giữ trái phiếu tại thời điểm 31/12

| Trái phiếu | KL | GT |
|------------------|-----|-----|
| TPCP niêm yết | ... | ... |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| - CP | ... | ... |
| - CQ | ... | ... |
| - BL | ... | ... |
| TP niêm yết khác | ... | ... |
| TP chưa niêm yết | ... | ... |
| Tổng | ... | ... |

II. Giao dịch mua bán lại TPCP niêm yết trên TTGDCKHN trong năm

| Thời hạn giao dịch | Mua | | Bán | | Ghi chú |
|-----------------------------------|-----|----|-----|----|---------|
| | KL | GT | KL | GT | |
| Trái phiếu Chính phủ | | | | | |
| | | | | | |
| Trái phiếu chính quyền địa phương | | | | | |
| | | | | | |
| Trái phiếu Chính phủ bảo lãnh | | | | | |
| | | | | | |
| Tổng cộng | | | | | |

Ghi chú:

GT: Tính theo giá trị giao dịch lần 1 (Tỷ đồng).

Thời hạn giao dịch: Liệt kê theo các thời hạn đã thực hiện.

III. Các vướng mắc phát sinh và kiến nghị:

Người lập báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kiểm soát
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Tổng) Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

| | | | |
|------------|---|--|--|
| II | Vay NHNN, TCTD khác | | |
| 1 | Vay NHNN | | |
| 2 | Vay TCTD trong nước | | |
| 3 | Vay TCTD ở nước ngoài | | |
| 4 | Nhận vốn cho vay đồng tài trợ | | |
| III | Tiền gửi của TCKT, dân cư | | |
| IV | Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư mà ngân hàng chịu rủi ro | | |
| V | Phát hành giấy tờ có giá | | |
| VI | Tài sản "Nợ" khác: | | |
| 1 | Các khoản phải trả | | |
| 2 | Các khoản lãi cộng dồn dự trả | | |
| 3 | Tài sản "Nợ" khác | | |
| VII | Vốn và các quỹ | | |
| 1 | Vốn của TCTD: - Vốn điều lệ - Vốn đầu tư XDCB - Vốn khác | | |
| 2 | Quỹ của TCTD | | |
| 3 | Lãi/lỗ | | |
| | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | |

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

| STT | Chỉ tiêu | Kỳ này | Kỳ trước |
|------------|---|--------|----------|
| I | Tổng thu nhập | | |
| II | Tổng chi phí | | |
| III | Lợi nhuận trước thuế | | |
| IV | Lợi nhuận sau thuế | | |
| V | Tình hình trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định của pháp luật | | |
| 1 | Trích lập các quỹ: - Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ - Quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ - Quỹ dự phòng tài chính - Các quỹ khác | | |
| 2 | Sử dụng các quỹ | | |

III. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

| STT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Kỳ trước | Kỳ báo cáo |
|----------|--|-------------|----------|------------|
| 1 | Cơ cấu tài sản - Tài sản dài hạn/Tổng tài sản - Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản | % | | |
| 2 | Cơ cấu nguồn vốn - Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn - Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn | % | | |

| | | | | |
|---|--|-----|--|--|
| 3 | Khả năng thanh toán - Khả năng thanh toán nhanh - Khả năng thanh toán hiện hành | Lần | | |
| 4 | Tỷ suất lợi nhuận - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu | % | | |

Ngày ... tháng ... năm ...
Tổng Giám đốc/Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

